



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ
PHÒNG THÔNG TIN - VĂN HÓA

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84-4-831-4580 -- Fax: 84-4-831-4601

BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN QUỐC TẾ
CÁC BÀI VIẾT VỀ DÂN CHỦ

CHỦ NGHĨA HỢP HIẾN: MỸ VÀ NHỮNG NƯỚC KHÁC

Greg Russell

"Tự do của con người dưới chính phủ là có một luật lệ để tôn trọng, có hiệu lực chung đối với mọi người trong xã hội, và do quyền lực lập pháp đề ra".

-- John Lock

Luận án thứ hai, chương 4.

Chủ nghĩa hợp hiến hay pháp quyền có nghĩa là quyền lực của lãnh đạo và các cơ quan chính phủ bị giới hạn và những giới hạn đó có thể được thực hiện thông qua những quy trình định sẵn. Là một bộ phận của học thuyết chính trị hay luật pháp, Hiến pháp quy định chính phủ trước hết phải cố gắng cho lợi ích của toàn thể cộng đồng và bảo vệ quyền của từng cá nhân.

Chính phủ hợp hiến bắt nguồn từ những ý tưởng chính trị tự do ở Tây Âu và Hoa Kỳ là hình thức bảo vệ quyền cá nhân đối với sinh mạng và tài sản, tự do tôn giáo và ngôn luận. Để đảm bảo những quyền này, những người soạn thảo hiến pháp đã nhấn mạnh kiểm soát đối với quyền lực của mỗi ngành trong chính phủ, bình đẳng trước pháp luật, tòa án công bằng và tách biệt nhà thờ khỏi nhà nước. Những đại biểu điển hình của truyền thống này là nhà thơ John Milton, luật gia Edward Coke và William Blackstone, các chính khách như Thomas Jefferson và James Madison, và những triết gia như Thomas Hobbes, John Locke, Adam Smith, Baron de Montesquieu, John Stuart Mill và Isaiah Berlin.

Những khó khăn của việc quản lý hợp hiến trong thế kỷ 21 sẽ là những khó khăn của những chính phủ được công nhận là dân chủ. Ngày nay có hiện tượng "dân chủ phi tự do" ngày càng được thừa nhận và chiếm ưu thế do những chế độ này dường như khá dân chủ. Dân chủ phi tự do tức là về danh nghĩa là chính phủ dân chủ nhưng không có tự do hiến pháp thì dân chủ đó vẫn chưa đủ và nguy hiểm, kéo theo sự xói mòn của tự do, lạm dụng quyền lực, chia rẽ sắc tộc và thậm chí cả chiến tranh. Việc quảng bá dân chủ khắp thế giới không luôn kéo theo sự mở rộng tương ứng tự do trong hiến pháp. Một số nhà lãnh đạo được bầu ra một cách dân chủ đã sử dụng quyền hạn của mình để biện minh cho việc hạn chế tự do. Thực tiễn quyền tự do chính trị còn có ý nghĩa không chỉ ở bầu cử tự do và công bằng hay nhiều

cơ hội hơn trong quan bày tỏ quan điểm chính trị. Dân chủ tự do cũng tạo ra một nền tảng luật pháp để phân tách quyền lực của chính phủ nhằm tôn trọng những quyền tự do cơ bản về ngôn luận, hội họp, tôn giáo và tài sản.

CHỦ NGHĨA HỢP HIẾN: NHỮNG NỀN TẢNG LỊCH SỬ

Những lý thuyết chính trị tự do hiện đại đều được vận dụng trong cuộc đấu tranh vì một chính phủ hợp hiến. Chiến thắng đầu tiên và có lẽ là lớn nhất của chủ nghĩa tự do là ở nước Anh. Tầng lớp thương nhân nổi lên ủng hộ Triều đại Tudor vào thế kỷ 16 đã lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng thế kỷ 17 và thành công trong việc thiết lập vị trí tối cao của Quốc hội và rốt cuộc là Hạ Viện. Đặc thù nổi bật của chủ nghĩa hợp hiến hiện đại không phải là việc theo đuổi ý tưởng nhà vua phải tuân thủ pháp luật (dù khái niệm này là một thuộc tính cơ bản của chủ nghĩa hợp hiến). Quan niệm này đã có từ thời trung cổ. Nét đặc trưng ở đây chính là việc lập ra những công cụ kiểm soát chính trị hữu hiệu để thực hiện pháp quyền. Chủ nghĩa hợp hiến hiện đại ra đời do nhu cầu chính trị cần có chính phủ đại diện phụ thuộc vào sự nhất trí của công dân.

Hơn nữa, chính phủ hợp hiến hiện đại gắn bó chặt chẽ với kinh tế và quyền lực của túi tiền do ý tưởng cho rằng những ai đóng thuế cho chính phủ hoạt động phải được đại diện trong chính phủ đó. Nguyên tắc cung cấp kinh tế và giải quyết khiếu nại đi đôi với nhau là yếu tố mấu chốt của chính phủ hợp hiến hiện đại. Sự giám sát nguồn thu theo kiểu phong kiến của vua, sự phát triển của các thể chế đại diện và tinh thần đoàn kết dân tộc đối lập với sự tuân thủ tượng trưng đối với vua và tòa án, đã hạn chế có hiệu quả trên thực tế quyền lực của vua.

Tuy nhiên, những điều khoản của Dự luật về các quyền năm 1689 cho thấy Cách mạng Anh không chỉ nhằm bảo vệ quyền về tài sản (theo nghĩa hẹp) mà còn thiết lập những quyền tự do mà những người theo chủ nghĩa tự do tin là rất cần thiết đối với nhân phẩm và giá trị đạo lý của con người. "Những quyền của con người" được nêu ra trong Dự luật về Quyền của Anh dần được công bố cả bên ngoài nước Anh, đặc biệt trong Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền của Pháp năm 1789. Thế kỷ 18 đã chứng kiến sự xuất hiện của chính phủ hợp hiến ở Hoa Kỳ và Pháp, và thế kỷ 19 có sự mở rộng của chính phủ này với mức độ thành công khác nhau ở Đức, Italia và những nước phương Tây khác.

CHỦ NGHĨA HỢP HIẾN VÀ DI SẢN CỦA NHỮNG NGƯỜI SÁNG LẬP HOA KỲ

Trật tự hợp hiến của xã hội Hoa Kỳ được xây dựng trên nền tảng sự nhất trí của công dân tự do và có lý trí được thể hiện trong biểu tượng "khế ước xã hội" làm cơ sở để đạt được những mục đích nhất định. Thuyết "khế ước xã hội" cực thịnh ở châu Âu thế kỷ 17 và 18, gắn liền với tên tuổi nhà triết học Anh Thomas Hobbes, John Locke và nhà triết học Pháp Jean-Jacques Rousseau. Những nhà tư tưởng này đã giải thích nghĩa vụ chính trị của các cá nhân đối với cộng đồng trên cơ sở lợi ích và lý trí, và họ cũng nhận thức rõ những lợi thế của xã hội dân sự nơi mà cá nhân có cả quyền và nghĩa vụ so với những bất lợi của "nhà nước tự nhiên", một giả thuyết về sự vắng mặt hoàn toàn của quyền lực chính phủ. Ý tưởng "khế ước xã hội" phản ánh nhận thức cơ bản rằng một cộng đồng chứ không chỉ là một chính phủ khả thi phải được thiết lập nếu có một chính phủ tự do và nếu con người được bảo vệ chống lại sự tấn công

của những ham muốn đồng nghĩa với tình trạng hỗn loạn, bạo ngược và nổi loạn chống lại trật tự hợp lý sẵn có. Trong tạp chí Người theo chủ nghĩa liên bang số 2, John Jay lập luận rằng cá nhân có thể từ bỏ một số quyền tự nhiên cho xã hội nếu chính phủ có quyền lực cần thiết để bảo vệ lợi ích chung. Kết quả là sự tham gia của công dân vào nền dân chủ hợp hiến đi kèm với trách nhiệm tuân thủ luật pháp và các quyết định của cộng đồng trong các vấn đề chung, thậm chí khi cá nhân bất đồng gay gắt. Aristotle và Spinoza đều cho rằng cả "kẻ súc sinh" tức là tội phạm vô chính phủ và "kẻ bề trên" tức sẽ trở thành nhà độc tài đều sử dụng luật pháp theo ý mình và phải bị khuất phục hay tẩy chay khỏi xã hội. Hobbes, Locke và những nhà sáng lập Mỹ đều đồng ý như vậy. Đây là điều kiện tiên quyết của xã hội dân sự. Luật pháp và chính sách của chính phủ hợp hiến không chỉ bị giới hạn về phạm vi mà còn dựa trên sự nhất trí nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân trong xã hội nói chung và từng cá nhân trong xã hội đó nói riêng.

Các chính khách Mỹ tức là những nhà cách mạng và soạn thảo hiến pháp đều coi đây là di sản vì lịch sử Mỹ gắn liền với Tuyên ngôn Độc lập 1776, Điều khoản Liên bang 1781, sự kết thúc của Chiến tranh Cách mạng 1783, soạn thảo Hiến pháp 1787 và thông qua Dự luật về các quyền 1791. Sau đây là một số chủ đề thường thấy trong cuộc đấu tranh ở Mỹ vì tự do và hợp hiến.

CHỦ QUYỀN PHỔ BIẾN:

"Nhân dân chúng tôi...soạn thảo và ban hành Hiến pháp này". Những từ này xuất hiện trong lời tựa của Hiến pháp và thể hiện học thuyết chủ quyền phổ biến hay quyền lực của nhân dân. Những nhà soạn thảo hiến pháp đã xây dựng một văn kiện quản lý do dân thông qua dựa trên quan niệm quyền lực chính trị tối cao không thuộc về chính phủ hay bất kỳ quan chức nào trong chính phủ mà là thuộc về nhân dân. "Nhân dân chúng tôi" sở hữu chính phủ đó nhưng trong nền dân chủ đại diện chúng tôi trao quyền lực quản lý sự vụ cho một cơ quan gồm các đại biểu được bầu ra. Tuy nhiên sự giao quyền lực này không phương hại hay giảm chủ quyền tối cao của nhân dân, tức là quyền và trách nhiệm của họ. Sự hợp pháp của chính phủ vẫn do dân quyết định và dân có quyền bất khả chuyển nhượng trong thay đổi chính phủ một cách hòa bình hay tu chính Hiến pháp.

PHÁP QUYỀN:

Tuy nhiên theo lý thuyết hiến pháp chính phủ phải công bằng và có lý trí, không chỉ phản ảnh quan điểm của đa số mà còn phù hợp với luật pháp, và Tuyên ngôn Độc lập gọi đây là "Luật tự nhiên và tối thượng". Đạo luật tuyên bố năm 1766 của Nghị viện Anh khẳng định sở hữu thuộc địa Hoa Kỳ "ràng buộc trên mọi phương diện" đã khoét sâu thêm sự mâu thuẫn giữa cai trị bằng luật và cai trị của luật. Cai trị của luật đề cao vai trò của luật và công lý mang tính bao trùm và phổ biến hơn là luật không còn hiệu lực hay được các chính khách đương đại ban hành. Những nhà sáng lập cho rằng sự cai trị của pháp luật là xương sống của trật tự xã hội và các quyền tự do dân sự cơ bản ở Hoa Kỳ. Cai trị của pháp luật cho thấy quan hệ người với người và với nhà nước được điều chỉnh bởi một bộ luật tương đối công bằng chứ không phải là một nhóm cá nhân, do đó chúng ta khó trở thành nạn nhân của sự cai trị độc đoán và tùy tiện. Cần chú ý rằng nghĩa vụ chính trị theo sự cai trị của luật không chỉ là quyền và tự do của chủ thể và công dân mà còn của những nhà lãnh đạo và quản lý. Thông qua ngăn cá nhân và nhà

nước hành động vượt quá bộ luật tối cao, các nhà soạn thảo đã xây dựng một khuôn khổ bảo vệ các quyền tự do của cá nhân.

PHÂN QUYỀN VÀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT VÀ CÂN BẰNG:

Những nhà sáng lập phải trả lời câu hỏi làm thế nào để triển khai chính phủ của luật pháp chứ không phải của cá nhân lãnh đạo. Dù sao thì những nhà lãnh đạo đó đều là những người theo thuyết hiện thực chính trị muốn gắn tinh thần chủ nghĩa hợp hiến với những đặc thù của thời đại và bối cảnh đất nước. Có lẽ nhận xét hay nhất về sự lúng túng về lý luận và thực tiễn này là của James Madison trong tờ *Federalist* số 51. Ông khẳng định rằng tham vọng phải đối chọi với tham vọng. Lợi ích của con người phải gắn chặt với quyền hiến pháp của nơi đó. Chỉ một chút hiểu biết về bản chất của con người cũng cho thấy "những công cụ đó là cần thiết để kiểm soát sự lạm dụng của chính phủ". Nếu con người là những thiên thần thì sự kiểm soát bên trong lẫn bên ngoài đối với chính phủ cũng không cần thiết. Nhưng Madison là người theo chủ nghĩa hiện thực. Lại trích lời của Madison rằng chủ nghĩa hợp hiến kéo theo chính sách "cung cấp thông qua những lợi ích đối lập sự khiếm khuyết của những động cơ tốt". Khuôn khổ hiến pháp được xây dựng dựa trên sự tôn trọng con người phải giúp chính phủ kiểm soát nhân dân. Tuy nhiên điều không kém quan trọng là tính ngăn ngừa hỗ trợ của kiểm soát và cân bằng trong bản thân chính phủ.

Bằng cách phân định công việc của chính phủ cho ba ngành độc lập, các nhà soạn thảo hiến pháp đảm bảo rằng những quyền lực chính của chính phủ như lập pháp, hành pháp và tư pháp không bị thao túng bởi một ngành nào. Phân bổ quyền lực giữa ba ngành riêng biệt này cũng ngăn việc hình thành nên một chính phủ quốc gia quá mạnh có thể áp đặt quyền lực lên chính quyền bang. Quyền lực và trách nhiệm của chính phủ chồng chéo nhau có chủ ý. Ví dụ quyền lực của quốc hội trong lập pháp có thể bị kiểm soát bởi quyền phủ quyết của tổng thống. Quyền phủ quyết này lại có thể bị bác bỏ với tỷ lệ phiếu 2/3 trong hai viện. Tổng thống là tổng tư lệnh nhưng chỉ có Quốc hội có quyền huy động và hỗ trợ quân đội cũng như tuyên chiến. Tổng thống có quyền bổ nhiệm tất cả thẩm phán liên bang, đại sứ và các quan chức chính phủ cao cấp khác nhưng tất cả bổ nhiệm phải có sự tư vấn và nhất trí của Thượng viện. Luật chỉ có hiệu lực khi được thông qua ở hai viện.

Tòa án Tối cao có quyền lực cuối cùng trong việc chỉ ra những hành động lập pháp và hành pháp nào là phi hiến. Đây là nguồn gốc của việc xem xét lại về mặt tư pháp và tăng quyền lực cho tư pháp liên bang ở Hoa Kỳ sau khi có bài *Marbury v. Madison* (1803). Quyền lực của việc xem xét lại về pháp lý không do Hiến pháp Hoa Kỳ quy định (không nói rõ về điều này) mà xuất phát từ một loạt các vụ xử từ cuối thế kỷ 18. Điểm chung của các vụ này là mối liên hệ giữa sự xét lại về mặt pháp lý và luật điều chỉnh, ít ra cũng là sự minh chứng về mặt triết học cũng như đạo lý của quyền lực tòa án. Người Mỹ hồi đó đã ủng hộ quan điểm cổ cho rằng nếu luật thực chứng hay luật của con người xuất phát từ luật của tự nhiên thì đó không còn là luật mà là sự bóp méo của luật. ý kiến này được đưa ra trong "Quyền của các thuộc địa của Anh được khẳng định và chứng minh" (năm 1764) của James Otis:

Luật của tự nhiên không phải là sản phẩm của con người, cũng không nằm trong khả năng của con người có thể sửa đổi hay thay thế nó. Con người chỉ có thể thực thi, duy trì, không tuân thủ hay phá vỡ nó. Vi phạm luật sẽ bị trừng phạt ngay cả trên cõi đời này, đó là hình phạt dành cho

người nào cảm thấy bị suy đồi, bị tha hóa bởi sự điên rồ và xấu xa của mình từ một người đức hạnh tốt đẹp thành một kẻ súc sinh, hay bị chuyển hóa từ một người bạn, một người cha của đất nước mình thành một con sư tử hay con hổ ăn tươi nuốt sống.

CHỦ NGHĨA LIÊN BANG:

Những nhà sáng lập cũng xác định rằng quyền lực phải được phân định theo các cấp độ khác nhau trong chính phủ: cấp quốc gia và cấp bang. Thất bại của Các điều khoản liên bang (1781-1787) trong việc thiết lập một chính quyền khả thi cho các thuộc địa ở Hoa Kỳ buộc các đại biểu tại Hội nghị Hiến pháp 1787 ở Philadelphia phải trao thêm quyền lực cho chính phủ trung ương. Những điều khoản này là cầu nối giữa chính phủ ban đầu của Hội nghị lục địa giai đoạn Cách mạng và chính phủ liên bang thành lập theo Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787. Do dấu ấn của quyền lực trung ương ở nước Anh vẫn còn in đậm đối với các thuộc địa nên những nhà soạn thảo các điều khoản này cố tình lập ra một "hợp bang" các bang có chủ quyền. Tuy nhiên những điều khoản này không trao quyền cho Quốc hội thực thi những yêu cầu đối với các bang phải đóng góp tiền bạc hay quân đội và cuối năm 1786, bộ máy chính phủ đó không còn hoạt động hiệu quả.

Theo Hiến pháp Hoa Kỳ, hợp bang sẽ nhường chỗ cho liên bang, một hệ thống trong đó quyền lực sẽ được chia sẻ giữa chính phủ quốc gia và các chính quyền bang. Chính phủ trung ương có vai trò tối cao trong một số lĩnh vực nhưng các bang không chỉ là những đơn vị hành chính của chính phủ trung ương. Quyền của các bang được bảo vệ bằng nhiều cách. Thứ nhất, Tu chính Hiến pháp số 10 nói rõ rằng nhiều hoạt động dành riêng cho bang. Ví dụ các chính quyền bang chịu trách nhiệm chính trong quản lý ngân sách và soạn thảo cũng như thực thi luật trong những lĩnh vực tác động tới công dân của bang. Thứ hai, các bang cũng được bảo vệ thông qua đại diện trong Thượng viện Hoa Kỳ: mỗi bang dù lớn hay nhỏ đều có hai thượng nghị sỹ. Thứ ba, Cử tri đoàn, cơ quan chính thức bầu Tổng thống Hoa Kỳ, là nơi tập hợp tối thiểu ba cử tri do mỗi bang lựa chọn. Thứ tư, quá trình sửa đổi Hiến pháp cũng phản ánh lợi ích của các bang vì bất kỳ sự sửa đổi nào cũng cần có sự chấp thuận của 3/4 cơ quan lập pháp các bang và 2/3 nghị sỹ. Những biện pháp bảo vệ này cũng được đề ra trong Hiến pháp để ngăn những bang nhỏ hơn bị các bang lớn hơn chèn ép. Sự chia sẻ quyền lực giữa các bang và chính phủ trung ương là một công cụ kiểm soát cấu trúc khác trong hệ thống kiểm soát và cân bằng rất tinh vi.

CUỘC ĐẤU TRANH VÌ QUYỀN CÁ NHÂN:

Lời tựa của Hiến pháp đề cập đến một trật tự chính trị mới ở Hoa Kỳ dựa trên những nguyên tắc sau: thiết lập một liên minh hoàn hảo hơn, cung cấp sự bảo vệ chung, thiết lập công lý, đảm bảo quyền tự do cho thế hệ hôm nay và mai sau. Thậm chí trước đó Tuyên ngôn độc lập cũng đã nói đến "quyền bất khả nhân nhượng" như là quyền tự nhiên của con người và chính phủ không thể tước đoạt những quyền đó. Việc làm thế nào để đảm bảo tốt nhất công lý và quyền tự do (hồi đó cũng như bây giờ) đã gây ra những bất đồng gay gắt giữa các Đảng. Khi được sơ thảo và trình cho các bang thông qua, Hiến pháp không nói đến quyền cá nhân. Lời giải thích cho sự bất thường này là các nhà soạn thảo cho rằng quyền lực của chính phủ quốc gia mới thành lập bị giới hạn cẩn thận đến mức các quyền cá nhân không cần có biện pháp bảo vệ. Hơn nữa những người theo chủ nghĩa liên bang khác lập luận rằng liệt kê thêm các

quyền sẽ kéo theo thêm trách nhiệm pháp lý, tức là những quyền được coi là cơ bản nhưng chưa định rõ sẽ dễ bị chính phủ xâm phạm.

Dù những người phi chủ nghĩa liên bang bị đánh bại trong cuộc chiến soạn thảo Hiến pháp 1787 nhưng họ có thể buộc đối phương phải nhượng bộ. Lo sợ trước quyền lực của chính phủ trung ương mới, họ đòi phải đưa một loạt các biện pháp bảo vệ quyền cá nhân cụ thể vào Hiến pháp. Họ cũng được các nhà lãnh đạo theo chủ nghĩa liên bang hứa tại một số hội nghị bang sẽ ủng hộ thông qua những sửa đổi phù hợp trong Hiến pháp. Nếu không được đảm bảo thông qua dự luật các quyền, nhiều bang dọa không phê chuẩn Hiến pháp. Những người theo chủ nghĩa liên bang giữ lời hứa của mình. Năm 1789, Quốc hội đầu tiên của Hoa Kỳ đã thông qua 10 tu chính Hiến pháp đầu tiên. Năm 1791, Dự luật về quyền tạo nên 10 tu chính này đã được một số bang được yêu cầu phê chuẩn. Hơn nữa, Tu chính số 9 bảo vệ các quyền cơ bản không được đề cập cụ thể trong Hiến pháp và làm yên lòng những người theo chủ nghĩa liên bang vì họ sợ rằng đơn cử một quyền nào cần bảo vệ sẽ phương hại đến sự bảo vệ tất cả những quyền khác không được xác định tương tự.

Dự luật về quyền giới hạn khả năng xâm phạm của chính phủ đối với các quyền tự do cá nhân, kể cả tự do ngôn luận, báo chí, hội họp và tôn giáo. Dự luật này cũng cấm Quốc hội thông qua những luật tôn trọng "sự chính thức hóa" của bất kỳ tôn giáo chính nào, tức là thiên vị tôn giáo. Gần 2/3 Dự luật nhằm bảo vệ quyền của những người bị tình nghi hay bị buộc tội. Những quyền này gồm quá trình xét xử theo luật, xử công bằng, không tự buộc tội và không bị xử phạt tàn bạo hay bất thường, và không bị buộc tội hai lần về một tội. Khi được thông qua lần đầu, Dự luật quyền chỉ áp dụng cho các hoạt động của chính phủ quốc gia.

Hạn chế sự vi phạm của các bang đối với các quyền tự do dân sự là chủ đề của tu chính số 13 (1865), 14(1868), và 15(1870), cái gọi là Tu chính án tái thiết được thông qua sau Nội chiến và nhằm xóa bỏ chế độ nô lệ. Trong 100 năm qua nhiều quyền tự do được quy định trong 10 tu chính án đầu tiên được đưa vào biện pháp bảo đảm của tu chính án số 14 quy định không có bang nào được tước đoạt của công dân quá trình xét xử hợp lệ hay được pháp luật bảo vệ bình đẳng. Đặc biệt từ những năm 1920, 10 tu chính án đầu tiên của Hiến pháp đóng vai trò ngày càng tích cực và quan trọng trong giải quyết những vấn đề chính sách công khó khăn như tính hợp hiến của cầu nguyện trong nhà trường và luật xét nghiệm ma túy bắt buộc để hạn chế sinh đẻ và án tử hình. Những nguyên tắc cơ bản như "công lý" hay "tự do" cũng như những khái niệm hiến pháp như "quá trình xét xử hợp lệ" và "được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật" đã được các thế hệ kế tiếp bổ sung. Những phát triển này thường đi kèm với những phong trào chống đối và sự bất tuân thủ của dân đã phản ánh những thay đổi của cảm tính con người và đạo lý xã hội trong 200 năm qua.

Lý lẽ về triết học của Dự luật các quyền là đề ra một số quyền tự do ngoài tầm với của đa số trên cơ sở tước đoạt của công dân những quyền cơ bản sẽ giảm giá trị dân sự và trên thực tế cả tính nhân văn của những quyền này. Nhiều quyền được Dự luật và Hiến pháp bảo đảm sẽ tạo nên cốt lõi cho chính phủ tự do. Dân quyền có thể bắt nguồn trực tiếp từ quyền tự nhiên hay gián tiếp thông qua những dàn xếp chính trị trong xã hội được xây dựng dựa trên sự nhất trí của nhân dân thể hiện trong Hiến pháp, tiền lệ công pháp và các đạo luật. Thành công của Madison và đồng nghiệp tại Hội nghị Hiến pháp và Quốc

hội đầu tiên phản ánh cách thức họ thiết lập nên một cơ chế tự điều chỉnh gồm các quy trình và cấu trúc thực thi các quyền thông qua pháp luật và tạo ra chuẩn mực thực hiện ở Mỹ.

CHỦ NGHĨA HỢP HIẾN, TỰ DO VÀ TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI:

Sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh cùng với sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu đã tạo ra một cảm xúc khải hoàn và lạc quan về triển vọng của những ý tưởng dân chủ tự do và chính phủ hợp hiến. Tháng 12/2000, tổ chức phi lợi nhuận thúc đẩy dân chủ trên thế giới Ngôi nhà Tự do đã công bố nghiên cứu mô tả chi tiết tình trạng quyền chính trị và tự do dân sự trong thế giới ngày nay ở 191 nước. Công trình "Tự do trên thế giới năm 2000-2001" chỉ ra rằng xu hướng kéo dài một thập niên về những thành quả tự do tích cực và tiệm tiến vẫn tiếp tục trong năm 2000. Theo điều tra hàng năm của tổ chức này, 86 nước đại diện cho 2,5 tỉ (hàng ngàn triệu) người (hoặc tương đương 40,7 phần trăm của dân số thế giới, tỉ lệ cao nhất trong tất cả các cuộc điều tra trong lịch sử) được đánh giá là "có tự do". Cư dân của các quốc gia đó được hưởng các quyền một cách rộng rãi. 95 quốc gia, chiếm 1,4 tỉ người (tương đương 23,8 phần trăm), được xem là "tự do có chừng mực". ở những quốc gia có nạn tham nhũng, các đảng cầm quyền lũng đoạn chính trị, và trong một số trường hợp là những nước có các cuộc xung đột sắc tộc và tôn giáo thì các quyền chính trị và quyền tự do bị hạn chế hơn. Cuộc điều tra chỉ ra rằng có đến 47 quốc gia với hơn 2,2 tỉ dân (35,5 phần trăm) rơi vào hạng mục "không có tự do". Cư dân của các quốc gia này bị chối bỏ các quyền chính trị và quyền tự do cơ bản.

Bản điều tra của Ngôi nhà tự do làm người ta tin tưởng mạnh mẽ rằng chẳng còn một con đường khả dĩ nào đi đến nền dân chủ; nó đã trở thành một bức tường thành được thiết lập nên để bảo vệ tính hiện đại. Tuy nhiên, một phần khác của cái di sản hậu chiến tranh lạnh này lại đang chứng tỏ rằng nó ngày càng tỏ ra thách thức và phức tạp hơn đối với các nhà hoạch định chính sách cũng như các tư tưởng gia về chính trị. Các thể chế được bầu ra một cách dân chủ, dù thường xuyên được bầu lại hoặc buộc phải bỏ phiếu tín nhiệm bằng các cuộc trưng cầu dân ý, cũng thường xuyên phớt lờ những quy định trong hiến pháp với mục đích hạn chế bớt quyền lực của họ, tước đoạt tự do và các quyền cơ bản của công dân mình. Ở rất nhiều khu vực trên thế giới, chúng ta có thể chứng kiến một hiện tượng đang ngày càng tăng lên trong đời sống quốc tế - đó là dân chủ mà không có tự do.

Điểm mấu chốt của vấn đề chính là sự khác biệt giữa một nền dân chủ và một chính thể lập hiến. ít nhất là trong khoảng thời gian một thế kỷ ở Phương Tây, nhận ra được vấn đề này là rất khó bởi vì dân chủ trùng hợp với dân chủ tự do. Sự kết hợp giữa tự do với chủ nghĩa tự do theo hiến pháp về mặt lý thuyết là khác biệt so với dân chủ. Kể từ thời Plato và Aristotle, dân chủ có nghĩa là nhân dân cai trị. Quan điểm dân chủ này, được xem là một quá trình chọn lựa chính quyền, đã được biện minh bởi các học giả từ Alexis de Tocqueville đến Joseph Schumpeter và Robert Dahl. Nhà chính trị học Samuel Huntington đã giải thích tại sao trường hợp này: Các cuộc bầu cử - cởi mở, tự do và công bằng - là bản chất của nền dân chủ, là một điều kiện không thể thiếu được. Tuy nhiên, các chính phủ được thành lập thông qua bầu cử vẫn có thể bất năng, tham nhũng, thiếu cặn, vô trách nhiệm, bị các lợi ích đặc biệt chi phối và không có khả năng đưa ra những chính sách đáp ứng được nhu cầu của công chúng. Một khi những đặc điểm này có trong một chính phủ không như mong đợi thì cũng không thể nói rằng các chính phủ đó là không dân chủ được. Bởi vì dân chủ là một khía cạnh của đạo đức nhân dân, vốn không chỉ có

một khía cạnh, và mối quan hệ của dân chủ với những khía cạnh khác của đạo đức nhân dân và những thói xấu của nó chỉ có thể được thấu hiểu nếu như dân chủ được phân biệt rõ ràng với những đặc điểm khác của hệ thống chính trị. Nhưng các cuộc bầu cử và vận động quần chúng không phải lúc nào cũng có thể tạo ra được một chính thể lập hiến tự do. Có một điều khó khăn đang tăng lên nhanh chóng trong quá trình truyền bá cơ chế bầu cử đa đảng phái ra các nước ở Nam và Trung Mỹ, châu Á, châu Phi và châu Mỹ-Latinh, có lẽ là do những gì đã xảy ra sau các cuộc bầu cử ở đó. Một số vị lãnh đạo đắc cử sau bầu cử phổ thông đã vượt mặt cả quốc hội để điều hành nhà nước bằng các sắc lệnh của nguyên thủ. Điều này đang làm xói mòn những thói quen tuân thủ hiến pháp.

Và rất tự nhiên, một bóng ma của hiện tượng dân chủ mà không có tự do đã xuất hiện, nó trải rộng từ những chính thể phạm pháp ít nhất cho đến những chính thể gần như là chuyên quyền bạo ngược. Tại châu Mỹ-Latinh, nhiều nền dân chủ hiện nay đã vật lộn trong hơn một thập kỷ để vượt qua những điều kiện kinh tế khắc nghiệt mà không phải đối mặt với một thách thức công khai nào xuất phát từ các lực lượng quân sự hay các lực lượng chống chính phủ. Tuy hầu hết các chính quyền này đã được củng cố, nhưng một vài quốc gia vẫn tiếp tục phải đối phó với sự yếu kém trong quá trình thể chế hóa các kết cấu dân chủ theo kiểu cũ. Và lại quá trình củng cố dân chủ cũng không thể hoàn thành nếu thiếu sự hỗ trợ của chủ nghĩa tự do theo hiến pháp. Đi kèm với thỏa thuận quy định tranh giành quyền lực, phải có những hạn chế mang tính cơ bản và tự tuân đối với việc thực thi quyền lực. Một hệ quả của việc quá nhấn mạnh đến nền dân chủ thuần khiết với tư cách là một phép thử cuối cùng đối với tự do là người ta nỗ lực rất ít để xây dựng nên một hiến pháp mơ ước cho các quốc gia đang trong quá trình chuyển đổi. Điều này được thực hiện không chỉ bằng cách định ra những cuộc bầu cử định kỳ hoặc bằng cách viết lên một danh sách các quyền công dân, mà bằng cách xây dựng một hệ thống mà bản thân nó phải đảm bảo là không vi phạm các quyền đó. Thể chế lập hiến có vẻ như đã vượt ra khỏi những quy tắc thông thường trong việc chọn lựa một chính phủ theo kiểu là những dàn xếp có chủ định xuất phát từ đòi hỏi của công chúng và để bảo vệ cho tự do cá nhân và quy định của luật pháp. Điều này đòi hỏi một cam kết tương hỗ trong giới e-lit - thông qua một cơ chế điều phối của hiến pháp và các thể chế chính trị có liên quan, cũng như thông qua một thỏa thuận hay một hiệp ước của giới e-lit, qua đó các chính phủ duy trì trật tự bằng cách thành lập các liên minh giữa các đảng phái chính trị và các nhóm lợi ích. Mục tiêu là nhằm để áp đặt những hạn chế lên quyền lực nhà nước, bất kể là đảng phái này hay đảng phái kia nắm quyền kiểm soát nhà nước tại một thời điểm nhất định. Vào đầu thế kỷ 20, Woodrow Wilson đã muốn tạo ra một thế giới an toàn cho nền dân chủ. Nhưng trong thế kỷ tới, thách thức đó có thể lại là tạo ra một nền dân chủ an toàn cho thế giới.

TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

Harold J. Berman. *Pháp luật và Cách mạng: Sự chuyển đổi của Truyền thống Pháp luật phương Tây*. Nhà xuất bản Đại học Havard, 1993

Edward D. Corwin. *Nền tảng "Pháp luật cao" của Luật Hiến pháp Hoa Kỳ*. Nhà xuất bản Đại học Cornell, 1990

Larry Diamond. *Nền dân chủ đang tiến triển theo hướng vững chắc*. Nhà xuất bản Johns Hopkins, 1999

Samuel Huntington. *Làn sóng thứ ba: Quá trình dân chủ hóa cuối thế kỷ hai mươi*. Nhà xuất bản Đại học Oklahoma, 1993

Harbison Belz Kelly và những người khác. *Hiến pháp Hoa Kỳ: Nguồn gốc và phát triển*, tái bản lần thứ bảy. Nhà xuất bản W.W Norton, 1997

Theodore Lowi và Benjamin Ginsberg. *Chính phủ Hoa Kỳ*, tái bản lần thứ sáu. Nhà xuất bản W.W Norton, 2000

Charles H. McIlwain. *Sự phát triển của tư tưởng chính trị ở Phương Tây*. Nhà xuất bản McMillan, 1932

Ellis Sandoz. *Một chính thể luật pháp: Lý luận chính trị, Tôn giáo và Sự hình thành nước Mỹ*. Nhà xuất bản Đại học bang Louisiana, 1990

Greg Rusell là phó giáo sư và là người phụ trách nghiên cứu sau đại học của Khoa khoa học chính trị tại Đại học Oklahoma ở Norman. Ông là tác giả của các tác phẩm *Hans J. Morgenthau và Nguyên tắc Xử thế của các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ*, *John Quincy Adams và Đặc điểm chung của Ngoại giao*, và *Điều hòa giữa các việc làm đúng về đối nội và việc làm sai trong đối ngoại; Sức mạnh của Quyền lực và Tư tưởng trong chiến tranh*. Ông còn xuất bản nhiều bài báo trong các lĩnh vực triết học chính trị, lịch sử ngoại giao Hoa Kỳ và quan hệ quốc tế. Ông cũng đang hoàn thành một bản thảo về tài năng chính trị của tổng thống Theodore Roosevelt.

Toàn văn bằng tiếng Anh có trên Internet tại:

<http://usinfo.state.gov/products/pubs/democracy/dmpaper2.htm>